

**NỘI DUNG HỌC TẬP**  
**MÔN: Toán KHỐI: 7**  
**TUẦN 7**

**PHẦN ĐẠI SỐ**

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
<p><b>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</b></p>	<p><b>Tiết 13: Số thập phân hữu hạn. Số thập phân vô hạn tuần hoàn</b></p> <p><b>1..Số thập phân hữu hạn. Số thập phân vô hạn tuần hoàn.</b></p> <p><b>Ví dụ 1:</b> Viết các phân số <math>\frac{3}{20}</math>; <math>\frac{37}{25}</math> dưới dạng số thập phân.</p> <p>Ta nói các số thập phân 0,15 và 1,48 gọi là <i>số thập phân hữu hạn</i>.</p> <p><b>Ví dụ 2:</b> Viết phân số <math>\frac{5}{12}</math> dưới dạng số thập phân.</p> <p><b>*Nhận xét.</b>  Số thập phân 0.4166... là <i>số thập phân vô hạn tuần hoàn</i>.  Số 0,4166... được viết gọn là 0,41(6).  Kí hiệu (6) chỉ chữ số 6 được lặp đi lặp lại vô hạn.  Số 6 gọi là chu kì của số thập phân vô hạn tuần hoàn 0,41(6).</p> <p><b>2..Nhận xét.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu một phân số tối giản với mẫu dương không có ước nguyên tố khác 2 và 5 thì phân số đó viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn.</li> <li>- Nếu một phân số tối giản với mẫu dương mà mẫu có ước nguyên tố khác 2 và 5 thì phân số đó viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn.</li> </ul> <p><b>Ví dụ:</b> Phân số <math>\frac{-6}{75}</math> viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn vì :</p> $\frac{-6}{75} = \frac{-2}{25}$ <p>mẫu 25 = 5<sup>2</sup> không có ước nguyên tố khác 2 và 5.</p> <p>Ta có: <math>\frac{-6}{75} = -0,08</math>.</p> <p>Phân số <math>\frac{7}{30}</math> viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn vì mẫu 30 = 2.3.5 có ước nguyên tố 3 khác 2 và 5.</p> <p>Ta có: <math>\frac{7}{30} = 0,2333... = 0,2(3)</math>.</p> <p><b>?</b> Trong các phân số sau đây phân số nào viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn, phân số nào viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần</p>

hoàn ?. Viết dạng thập phân của các phân số đó

$$\frac{1}{4}; \frac{-5}{6}; \frac{13}{50}; \frac{-17}{125}; \frac{11}{45}; \frac{7}{14}$$

- Phân số viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn:

$$\frac{1}{4} = 0,25; \quad \frac{13}{50} = 0,26; \quad \frac{-17}{125} = 0,136; \quad \frac{7}{14} = 0,5.$$

- Phân số viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn.

$$\frac{-5}{6} = -0,8(3) \quad ; \quad \frac{11}{45} = 0,2(4).$$

**Kết luận:** Mỗi số hữu tỉ được biểu diễn bởi một số thập phân hữu hạn hoặc vô hạn tuần hoàn. Ngược lại, mỗi số thập phân hữu hạn hoặc vô hạn tuần hoàn biểu diễn một số hữu tỉ.

**BT**

**Bài 1:** Giải thích tại sao các phân số sau viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn rồi viết dưới dạng đó:

$$-1\frac{6}{8}; -\frac{9}{25}.$$

**Giải:**

Các phân số đều viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn. Thật vậy:

- Xét hỗn số  $-1\frac{6}{8}$ , ta có  $-1\frac{6}{8} = -\frac{14}{8} = \frac{-7}{4}$ . Mẫu  $4 = 2^2$  không có ước nguyên tố khác 2 và 5.

$$\text{Ta có: } -1\frac{6}{8} = -\frac{14}{8} = \frac{-7}{4} = -1,75.$$

- Xét phân số  $-\frac{9}{25}$ , ta có  $25 = 5^2$  không có ước nguyên tố khác 2 và 5.

$$\text{Ta có: } -\frac{9}{25} = -0,36.$$

**Bài 2:** Viết các số sau dưới dạng số thập phân hữu hạn hoặc vô hạn tuần

$$\text{hoàn: } \frac{3}{40}; -\frac{6}{11}.$$

**Giải:**

$$3 : 40 = 0,075 \Rightarrow \frac{3}{40} = 0,075;$$

$$-6 : 11 = -0,(54) \Rightarrow \frac{6}{-11} = -0,(54);$$

**Bài 3:** Viết các phân số  $\frac{1}{9}; \frac{1}{99}$  dưới dạng số thập phân.

**Giải:**

$$\frac{1}{9} = 0,(1); \quad \frac{1}{99} = 0,(01);$$

**Bài 4:** Viết các số thập phân vô hạn tuần hoàn dưới dạng gọn (có chu kì trong ngoặc):

0,66666...; 1,838383...;

**Giải:**

0,66666... = 0,(6); 1,838383... = 1,(83).

**Bài 5:** Viết các số thập phân sau dưới dạng phân số tối giản.

a) 0,5.                      b) -0,6.

**Giải:**

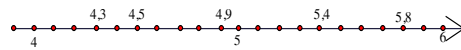
$$\text{a) } 0,5 = \frac{5}{10} = \frac{1}{2}.$$

$$\text{b) } -0,6 = \frac{-6}{10} = \frac{-3}{5}.$$

## Tiết 14. Làm tròn số

### 1) Các ví dụ::

\* **Ví dụ 1:** Làm tròn các số thập phân 4,3 và 4,9 đến hàng đơn vị



$$4,3 \approx 4; \quad 4,9 \approx 5$$

(Kí hiệu:  $\approx$  xấp xỉ)

-Để làm tròn một số thập phân đến hàng đơn vị, ta lấy số nguyên gần số đó nhất.

\* **Ví dụ 2:** Làm tròn số 72900 đến hàng nghìn (làm tròn nghìn).

$$72900 \approx 73000$$

\* **Ví dụ 3:** Làm tròn số 0,8134 đến hàng phần nghìn (chữ số thập phân thứ 3)

$$0,8134 \approx 0,813$$

### 2) Quy ước làm tròn số:

**Trường hợp 1:** (sgk/36)

**Ví dụ :** a/Làm tròn số 86,149 đến chữ số thập phân thứ nhất:

$$86,149 \approx 86,1$$

b/Làm tròn số 542 đến hàng chục       $542 \approx 540$

**Trường hợp 2:** (sgk/36)

**Ví dụ :** a/Làm tròn số 0,0861 đến chữ số thập phân thứ hai

$$0,0861 \approx 0,09$$

b/Làm tròn số 1573 đến hàng trăm       $1573 \approx 1600$  (tròn trăm)

## BT

### 1) 74/36 sgk:

ĐTB môn toán HKI của bạn Cường là

$$\frac{7+8+6+10+2 \cdot (7+6+5+9)+3 \cdot 8}{15} = \frac{109}{15} = 7,2(6) \approx 7,3$$

2)Viết các hỗn số sau dưới dạng số thập phân gần đúng (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai).

	$a / 1\frac{2}{3} = 1(6) \approx 1,6$ ; $b / 5\frac{1}{7} = 5,142... \approx 5,14$ $c / 4\frac{3}{11} = 4,(27) \approx 4,27$ <b>3)76/37 sgk</b> +Làm tròn số 76324753 76324750 (tròn chục) , 76324800 (tròn trăm), 76325000 (tròn nghìn). +Làm tròn số 3695 : 3700 (tròn chục), 3700 (tròn trăm), 4000 (tròn nghìn) <b>4)BT77/37 SGK</b> Ước lượng kết quả của các phép tính sau: a) $495.52 \approx 500.50 \approx 25000$ b) $82,36.5,1 \approx 80.5 \approx 400$ c) $6730 : 48 \approx 7000 : 50 \approx 140$ <b>5)BT 78/38 SGK:</b> 1 in $\approx 2,54$ cm Đường chéo màn hình ti vi 21 in là: $21.2,54 = 53,34 \approx 53$ (cm)
<b>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</b>	HS tự thực hiện các bài tập 68; 69; 70; 71 trong SGK/35
<b>Hoạt động 3: Học sinh cần nhớ các kiến thức</b>	- Nêu lên được cách nhận biết số thập phân hữu hạn, vô hạn tuần hoàn, số hữu tỉ. Vận dụng được các kiến thức trên để làm bài tập Biết cách viết phân số dưới dạng số thập phân và ngược lại. Biết các qui ước làm tròn số

## PHẦN HÌNH HỌC

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
	<b>ÔN TẬP CHƯƠNG</b> <b>1. Câu hỏi ôn tập</b> Câu 1: Hai đường thẳng cắt nhau tạo thành bao nhiêu cặp góc đối đỉnh? A. 1      B.2      C.3      D.4 Câu 2: Qua một điểm nằm ngoài đường thẳng cho trước, ta vẽ được bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng cho trước? A. 1      B.2      C.3      D.4 Câu 3: Cho a//b. Đường thẳng c vuông góc với đường thẳng a thì..... A. c song song a                      B. c không cắt b C. c vuông góc a                      D. c trùng b Câu 4: Góc tạo bởi hai đường thẳng vuông góc là..... A. góc vuông                          B. góc nhọn

C. góc tù

D. góc bẹt

Câu 5: “Nếu hai đường thẳng  $d, d'$  cắt đường thẳng  $xy$  tạo thành một cặp góc trong cùng phía ..... thì  $d // d'$ ”

A. bằng nhau

B. phụ nhau

C. bù nhau

D. khác nhau

Câu 6: Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì.....

A. Hai góc so le trong phụ nhau

B. Hai góc trong cùng phía bằng nhau

C. Hai góc đồng vị bù nhau

D. Hai góc so le trong bằng nhau

Câu 7: Một định lí bao gồm:

A. Giả thiết

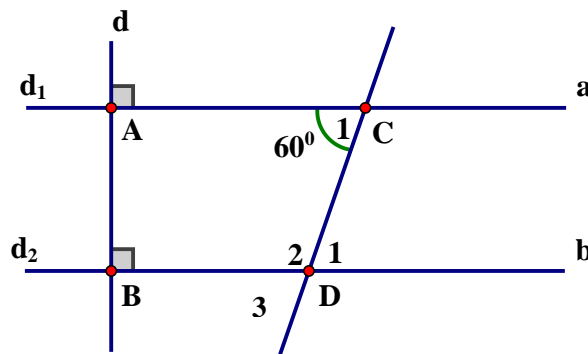
B. Kết luận

C. A,B đều đúng

D. A,B,C đều sai

### BÀI TẬP

**Bài 1:** Cho hình vẽ, biết  $C_1 = 60^\circ$



a) (2 điểm) Chứng minh:  $d_1 // d_2$

b) (2 điểm) Tính  $D_1$ ;  $D_2$  và  $D_3$

**Giải:**

a) Ta có:  $\begin{cases} d_1 \perp d \\ d_2 \perp d \end{cases} \Rightarrow d_1 // d_2$

b)

• Tính  $D_1$

Vì  $d_1 // d_2$  nên:

$D_1 = C_1$  (Hai góc so le trong)

Mà  $C_1 = 60^\circ$

Suy ra:  $D_1 = 60^\circ$

• Tính  $D_2$

Có  $C_1 + D_2 = 180^\circ$  (hai góc trong cùng phía)

$$60^\circ + D_2 = 180^\circ$$

$$D_2 = 180^\circ - 60^\circ$$

$$D_2 = 120^\circ$$

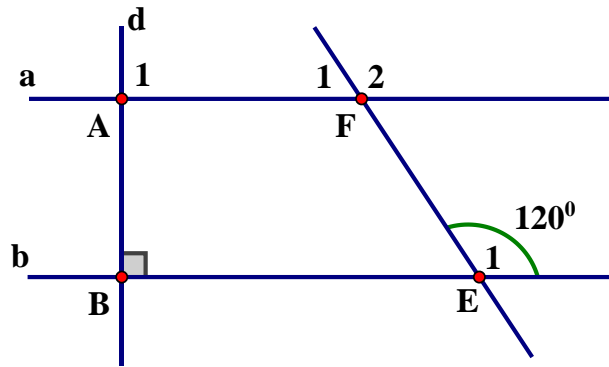
- Tính  $D_3$

Có  $D_3 = D_1$  (hai góc đối đỉnh)

Mà  $D_1 = 60^\circ$

Suy ra:  $D_3 = 60^\circ$

**Bài 2:** Cho hình vẽ, biết  $a \parallel b$  và  $E_1 = 120^\circ$



- Tính  $A_1$
- Tính  $F_1$  và  $F_2$

**Giải:**

- Ta có:  $\begin{cases} a \parallel b \\ d \perp b \end{cases} \Rightarrow d \perp a$

Suy ra:  $A_1 = 90^\circ$

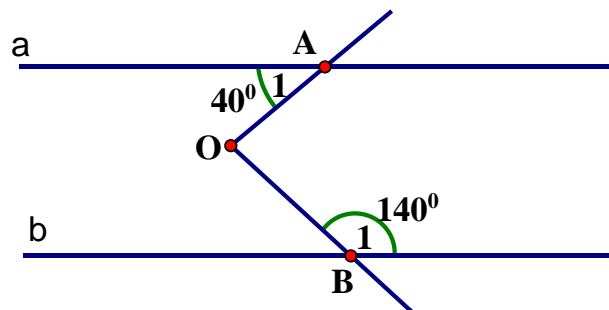
- Vì  $a \parallel b$

HS tự tính  $F_2 = 120^\circ$

Có  $F_1 + F_2 = 180^\circ$  (kề bù)

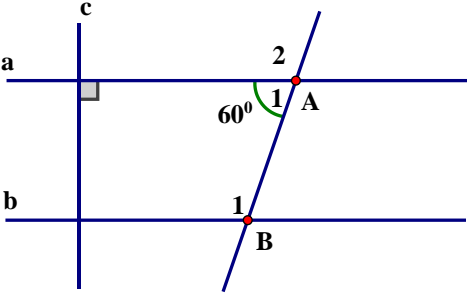
HS tự tính  $F_1 = 60^\circ$

**Bài 3:** Cho hình vẽ, biết  $a \parallel b$ ;  $A_1 = 40^\circ$  và  $B_1 = 140^\circ$ . Tính  $AOB$



**Hướng dẫn:**

- Qua O vẽ  $d \parallel a$  mà  $a \parallel b$  nên  $a \parallel b \parallel d$
- Tính đúng  $O_1 = 40^\circ$

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính đúng <math>O_2 = 40^\circ</math></li> <li>- Tính đúng <math>AOB = 40^\circ + 40^\circ = 80^\circ</math></li> </ul>
<p><b>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</b></p>	<p>Cho hình vẽ, biết <math>a \parallel b</math>;</p>  <p>a) Chứng minh: <math>c \perp b</math></p> <p>b) Tính <math>A_2</math> và <math>B_1</math></p>
<p><b>Hoạt động 3: Học sinh cần nhớ các kiến thức</b></p>	<p>- Sử dụng thành thạo các dụng cụ để vẽ 2 đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song. Biết cách kiểm tra xem hai đường thẳng cho trước có vuông góc hay song song không? Giải các dạng bt trong sgk.</p>